

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị K, sinh năm 1988. CCCD số 015188005775 ngày cấp 11/8/2021. Nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn K, xã X, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bàn Tồn K1, sinh năm 1988. CCCD số 015088010923 ngày cấp 11/8/2021. Nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn K, xã X, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bàn Thị K trình B: Tôi và anh Bàn Tồn K1 kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 23/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bàn Tồn K.

Về con chung: Có 02 cháu Bàn T A sinh ngày 01/9/2009; Bàn Thị Thủy T

sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn tôi và anh K1 thoả thuận tôi nuôi cháu T1 và anh K1 nuôi cháu A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi hiện nay làm Công ty, thu nhập một tháng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Bàn Tồn K1 không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh K1 tại thôn K, xã X, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh K1. Bà Triệu Thị K2 là mẹ đẻ anh K1 đã nhận thay anh K1. Bà K2 đã thông báo và giao cho anh K1 văn bản của Tòa án bà đã nhận thay. Anh K1 biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị Bàn Thị K X ly hôn anh. Nhưng anh K1 không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử chị Bàn Thị K được ly hôn anh Bàn Tồn K .

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Bàn T A sinh ngày 01/9/2009 cho anh B1 Tồn K nuôi dưỡng, chăm sóc.

Giao cháu Bàn Thị Thủy T S ngày 02/8/2014 cho chị Bàn Thị K nuôi dưỡng chăm sóc hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 chị Bàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K và anh Bàn Tồn K1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 23 tháng 11 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Chị K1 cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 01/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị K1 xin ly hôn anh K1 là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị K1 và anh K1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị K1 được ly hôn anh K1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Bàn T A sinh ngày 01/9/2009; Bàn Thị Thuỷ T sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn chị K1 nhận nuôi cháu T1 và chị K1 đồng ý anh K1 nuôi cháu A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu A cho anh K1 nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho chị K1 nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Yêu cầu của chị K1 về việc nuôi con chung không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K1 đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị K được ly hôn anh Bàn Tồn K

2. Về con chung: Có 02 cháu Bàn T An sinh ngày 01/9/2009; Bàn Thị Thủy T sinh ngày 02/8/2014.

Xử giao cháu Bàn Thừa A cho anh B1 Tồn K trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Xử giao cháu Bàn Thị Thủy T1 cho cho chị Bàn Thị K trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị K phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai số: 0000286 ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Bàn Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân ái
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

